



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE:

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

IV.# 228121
VEWL.# _____
I-171: Y N

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM NGUYỄN ĐỨC KHOÀI
Last Middle First

Current Address: 407/6 LÊ VĂN SỸ, QUẬN 3, PHƯỜNG 22, HỒ CHÍ MINH

Date of Birth: February 2-1929 Place of Birth: NGỌC CỤC, LANG TÀI, BẮC NINH

Previous Occupation (before 1975) Full colonial (Special Force + Ranger Commander
(Rank & Position) I Corp)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From June 15, 1975 To Sep 11, 1987
Years: 12 Months: 2 Days: 26

3. SPONSOR'S NAME: NGUYỄN THANH HƯỜNG FAMILIES OF VIETNAMESE
Name POLITICAL PRISONERS ASSOC.
P.O. BOX 5435

Address and Telephone Number CANADA

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S. N/A

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
<u>NGUYỄN THANH HƯỜNG</u>	<u>Daughter</u>
<u>NGUYỄN ĐỨC HẢI</u>	<u>Son</u>
<u>NGUYỄN MINH TAM</u>	<u>Daughter</u>
<u>CANADA</u>	

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: May 12 1989

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : NGUYEN^{AN} ĐỨC KHOAI
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
NGUYEN ^{AN} - THI - DINH	1926	Wife
NGUYEN ^{AN} - CAM - VAN	1954	Daughter
TRUONG - XUAN - TUONG - KHANH	1973	Nephew
TRUONG - NGUYEN ^{AN} - QUYNH VI	1975	Niece
NGUYEN ^{AN} - THANH - MAI	1960	Daughter
PHAM - MANH - TUAN	1955	Son-in-Law

DEPENDENT'S ADDRESS : (if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION : DEPENDENT'S ADDRESS

NGUYEN^{AN} - THANH - MAI } BT 1059 , BANTHAD CAMP , SECTION 7 , HOUSE 72₁
 PHAM MANH TUAN } PLATFORM
 PO BOX 76 , ARANYA PRATHET
 PRACHINBURY 25120 , THAILAN

INTAKE FORM (Two Copies)
MAU DON VE LY-LICH

HỒ SƠ BỒ LÚC

NAME (Ten Tu-nhan) : NGUYỄN ĐỨC KHOÀI
Last (Ten Ho) Middle (Giua) First (Ten goi)

DATE, PLACE OF BIRTH : 2 2 1929
(Nam, noi sinh) Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam): NAM Female (Nu): _____

MARITAL STATUS Single (Doc than): _____ Married (Co lap gia dinh): Married
(Tinh trang gia dinh):

ADDRESS IN VIETNAM : 407/6 LÊ VĂN SỸ, PHƯỜNG 22, QUẬN 3
(Dia chi tai Viet-Nam) TP HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM

POLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay khong): Yes (Co) CÓ No (Khong) _____
If Yes (Neu co): From (Tu): 15/6/1975 To (Den): 11/9/1987

PLACE OF RE-EDUCATION: XUÂN LỘC, ĐÔNG NAI
CAMP (Trai tu)

PROFESSION (Nghe nghiep): N/A

EDUCATION IN U.S. (Du hoc tai My): _____
VN ARMY (Quan doi VN) Rank (Cap bac): Full Colonel (SPECIAL FORCE + Ranger Commander
VN GOVERNMENT (Trong chinh phu VN) Position (Chuc vu): _____ Date (nam): _____

APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP): Yes (Co): CÓ
IV Number (So ho so): 228121
No (Khong): _____

NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (So nguai di theo): 6
(Ten than nhan thap tung) Xin ghi ben sau voi day du chi ti

MAILING ADDRESS IN VN (Dia chi lien lac tai VN): 407/6 LÊ VĂN SỸ PHƯỜNG
22, QUẬN 3, TP HỒ CHÍ MINH

NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va Dia chi Than nhan hay Nguai Bao tro):
NGUYỄN THANH HƯỜNG

U.S. CITIZEN (Quoc tịch Hoa-Ky): Yes (co): _____ No (Khong): NO CANADA

RELATIONSHIP WITH PRISONER (Lien he voi tu nhan tai VN): Daughter

NAME & SIGNATURE: [Signature]

ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT
(Ten, Chu ky, Dia chi va Dien thoai cua nguai dien don nay) NGUYỄN ĐỨC HẢI

DATE: MAY 12 1989
Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : NGUYEN^{AN} ĐỨC KHAI^{AI}
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
NGUYEN ^{AN} THỊ ĐỊNH	1926	Wife
NGUYEN ^{AN} - CẨM - VÂN	1954	Daughter
TRƯƠNG XUÂN - TƯỜNG - KHÁNH	1973	Nephew
TRƯỜNG - NGUYEN ^{AN} - QUỲNH VĨ	1975	Niece
NGUYEN ^{AN} - THANH - MAI	1960	Daughter
PHẠM - MẠNH - TUẤN	1955	Son-in-Law

DEPENDENT'S ADDRESS : (if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION : DEPENDENT'S ADDRESS

NGUYEN^{AN} - THANH - MAI } BT 1059, BANTHAD CAMP, SECTION 7, HOUSE 74,
PHẠM MẠNH TUẤN } PLATFORM, PO BOX 76, ARANYA PRATHET
PRACHINBURY 25120, THAILAND

QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS.

Date: May 12 1989

A. BASIC IDENTIFICATION DATA.

1. NAME : NGUYEN BUC KHOAI
2. Other name : N/A
3. Date/place of Birth : February 2 - 1929 - Ngoc Cuc, Long Tai, Bac Ninh -
4. Residence address : 407/6 Le Van Sy Fung 22 - Quan 3 - TP. Ho Chi Minh
5. Current occupation : Unemployed

B. RELATIVES TO ACCOMPANY ME

(Note: Your spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you. List marital status (MS) as follows:

NAME	Date of Birth	Place of Birth	Sex	MS	Relationship
1. Nguyen Thi Binh	1926	Son Tay	Female	Married	Wife
2. Nguyen Cam Van	1954	Hoi Phong	id	Widowed	Daughter
3. Trinh X. Trinh Khanh	1973	Son Tay	Male	Single	Niece
4. Trinh N. Quynh Vy	1975	Saigon	Female	id	Niece
5. Nguyen Thanh Mai	1960	Ban Me Thot	id	Married	daughter
6. Phan Minh Tuan	1955	Saigon	male	id	Son in Law

(Notes: For the persons listed above, we will need legible copies of birth certificates, marriage certificates (if married), divorce decrees (if divorced), spouse death certificate (if widowed), identification cards (if available), and photos.

If any of the above accompanying relatives do not live with you please note their addresses in section I below).

C. RELATIVES OUTSIDE VIETNAM.

1. Closest relatives in the U.S : N/A
2. Closest relatives in other Foreign Countries:

A. NAME	B. Relationship	C. Address
- Nguyen Thanh Huong	daughter	}
- Nguyen Dieu Hai	SON	
- Nguyen Minh Tam	daughter	

D. COMPLETE FAMILY LISTING (Living/Dead).

1. Father: Nguyen Dieu Tra (dead) 2. Mother: Nguyen Thi Phiem (dead) -
 3. Spouse: Nguyen Thi Binh 4. Nguyen Cam Van (daughter) 5. Trinh X. Trinh Khanh (niece)
 6. Trinh Ng. Quynh Vy (niece) 7. Nguyen Thanh Mai (daughter) 8. Phan Minh Tuan (son in law)
- addresses: 407/6 Le Van Sy F: 22. 23 TP. Ho Chi Minh.
- (9. Nguyen Thanh Huong - 10. Nguyen Dieu Hai 11. Nguyen Minh Tam. children)

E - EMPLOYMENT by U.S. GOVERNMENT agencies or other US Organization of you or your spouse - : N/A

F - SERVICE with GVN or RVNAF by you or your spouse

1. NAME of person serving: NGUYỄN ĐỨC KHOÀI
2. DATE: From: September 15-1952 To April 30-1975.
3. Last rank: Full Colonel (Special force + Ranger, Serial number: 49.300.468)
4. Military unit: Special force + Ranger Commander I Corps
5. Reason for leaving: Evant in April 1975.
6. Name of supervisor: Lt general Nguyễn Chánh Thi - Hoàng & LAM - Ngô Quang Trưởng
7. NAME of American advisors: 1965 Major NANCE, Major ALLEN - 1966 LTC FACY - 1967 LTC Schunzel - 1968 LTC PARMLEY II - 1969 LTC STEIN - 1970 LTC RON CHARLTON.
8. US Training courses in Viet Nam : N/A
9. US Award or certificates: 1 silver star - 1 bronze star, 3 Commendations

G - Training outside Viet Nam of you or your spouse : N/A

H - RE-EDUCATION of you or your spouse

1. Name of person in reeducation: NGUYỄN ĐỨC KHOÀI
2. Total time in reeducation: 12 years 2 month 26 days - From June 15-1975 to September 11-1987. (If released, we must have a copy of your release certificate).

I - ANY ADDITIONAL REMARKS.

Due to the difficulties of my situation - I am dealing with much difficulties in the daily life - And based on the authority of your organization and the humanitarian spirit, I am making this petition to request your kind and generous assistance to intervene with the Government of the Socialist Republic of Vietnam so that I and my family will be permitted to leave Vietnam to immigrate in the CANADA under your protection and arrangement through The Orderly Departure Program

Hoping that I will enable to gain the entry into the CANADA in your earliest convenience and I will hear from you soon
All your assistances will be highly appreciated.

Signature:



DATE: May 12, 1989

NGUYEN DUC HAI



MAY 18 1989

Air Mail Par avion

Mrs KHUC MINH THU
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL
PRISONERS ASSOCIATION
P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
U.S.A

BỘ NỘI VỤ
Trại XUAN LOC

Số 206 CRT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

Mẫu số 001-QLTG, ban
hành theo công văn số
2563 ngày 27 tháng 11
năm 1972

0	0	0	8	7	8	0	1	0	0	2
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---

SHSLD

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ;

Thi hành án văn, quyết định tha số 08/QĐ ngày 20 tháng 08 năm 1987

của BỘ NỘI VỤ

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh NGUYỄN ĐỨC KHOÀI

Sinh năm 1929

Các tên gọi khác

Nơi sinh Bắc ninh

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt

407/6 Nguyễn Văn Trỗi, Quận 3, TP/ HO CHI MINH

Can tội Đại tá phụ tá tiểu vận bộ chỉ huy biệt động quân

Bị bắt ngày 15-6-1975 Án phạt TTCT

Theo quyết định, án văn số _____ ngày _____ tháng _____ năm _____ của _____

Đã bị tăng án _____ lần, cộng thành _____ năm _____ tháng _____

Đã được giảm án _____ lần, cộng thành _____ năm _____ tháng _____

Nay về cư trú tại 407/6 Nguyễn Văn Trỗi, Quận 3, TP/ HO CHI MINH

Nhận xét quá trình cải tạo

- Trong thời gian cải tạo ở trại có nhiều cố gắng hoàn thành công việc giao, nội quy không sai phạm.

CHỨNG NHẬN

GIỚI THIỆU LÍNH

(Quản chế : 12 tháng)

ngày 22

Hương sự phải trình diện tại UBND Phường,

Trước ngày 26 tháng 09 năm 1987

Lên tay ngón trở phải

Nguyễn đức Khoài

h bìn số _____

tại _____

Họ tên, chữ
người được cấp



NGUYỄN ĐỨC KHOÀI

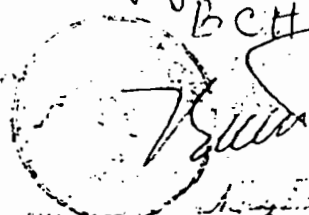
THIỆU Tả: NGUYỄN THANH TÀI

CAF 22 Q3 Xác nhận:

Nguyễn đức Khoài có đơn
trình giấy ra trại tại phường.

Ngày 12. 09. 87

BCH





HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE:

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

IV.# _____
VEWL.# _____
I-171: Y N

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM NGUYEN DUC KHOAI
Last Middle First

Current Address: 407/6 LE van Sy P22-Q3 Ho Chi Minh City

Date of Birth: 1929 Place of Birth: BAC NINH

Previous Occupation (before 1975) COLONEL & ARVN
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 05-1975 To 12-1987
Years: 12 Months: 07 Days: _____

3. SPONSOR'S NAME: _____
Name
Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
 (Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.

DEPENDENT'S ADDRESS : (if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

BỘ NỘI VỤ
Trại XUAN LOC
Số 206 CRT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

Mẫu số 001-QLTG, ban hành theo công văn số 2563 ngày 27 tháng 11 năm 1972

0 0 0 8 7 8 0 1 0 0 2

SHSLD

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ;

Thi hành án văn, quyết định tha số 08/QĐ ngày 20 tháng 08 năm 1987

của BỘ NỘI VỤ

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh NGUYỄN ĐỨC KHOÀI Sinh năm 1929

Các tên gọi khác

Nơi sinh Bắc ninh

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt

407/6 Nguyễn Văn Trỗi, Quận 3, TP/ HO CHI MINH

Can tội Đại tá phụ tá tiếp vận bộ chỉ huy biệt động quân

Bị bắt ngày 15-6-1975 An phạt TTCT

Theo quyết định, án văn số _____ ngày _____ tháng _____ năm _____ của _____

Đã bị tăng án _____ lần, cộng thành _____ năm _____ tháng _____

Đã được giảm án _____ lần, cộng thành _____ năm _____ tháng _____

Nay về cư trú tại 407/6 Nguyễn Văn Trỗi, Quận 3, TP/ HO CHI MINH

Nhận xét quá trình cải tạo

Trong thời gian cải tạo ở trại có nhiều cố gắng hoàn thành công việc giao, nội quy không sai phạm.

CHỨNG NHẬN

GIỐNG RẰM CHÁNH

(Quản chế : 12 tháng) Phường 22.

Ngày 12 tháng 12 năm 1987

UBND PHƯỜNG 22 Q3

Hương sự phải trình diện tại UBND Phường,

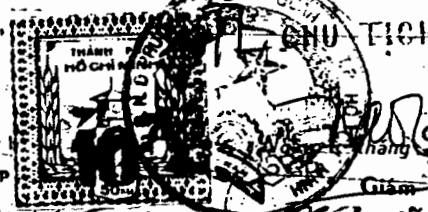
Trước ngày 26 tháng 09 năm 1987

Lấn tay ngón trỏ phải

Nguyễn Đức Khoái

Họ tên, chữ

người được cấp



12 tháng 9 năm 1987

Giám thị

Nguyễn Thanh Tâm

NGUYỄN ĐỨC KHOÀI

THIẾU TÀI: NGUYỄN THANH TÀI

CAF 2203 Xác nhận

Nguyễn Đức Khoa có đến
trình gây ra tai nạn phương.

Ngày 12.09.87

BCH



Nguyễn Văn Đạt

Trong thời gian có mặt ở địa phương, người này đã gây ra tai nạn giao thông, làm chết 1 người và bị thương 1 người.

Đã được xử lý theo quy định của pháp luật.

THỜI GIAN: 12.09.87

QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS.

Date: _____

A. BASIC IDENTIFICATION DATA.

1. NAME : NGUYEN DUC KHOAI
2. Other name : N/A
3. Date/place of birth : February 2 - 1929 - Ngoc Cuc, Lang Tai, Bao Ninh
4. Residence address : 407/6 Le Van Sy, Fung 22 - Quan 3 - TP. Ho Chi Minh
5. Current occupation : Unemployed

B. RELATIVES TO ACCOMPANY ME

(Note: Your spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you. List marital status (MS) as follows:

Name	Date of birth	Place of birth	Sex	MS	Relationship
1. Nguyen Thi DINH	1926	Son Tay	Female	Married	Wife
2. Nguyen Cam VAN	1954	Uoi Phong	id	Widowed	Daughter
3. Truong X. Tuong KHANH	1973	Samang	Male	Single	Niece
4. Truong N. Quynh Vy	1975	SAIGON	Female	id	wiece
5. Nguyen Thanh MAI	1960	Banmethuot	id	Married	daughter
6. Phan Manh Tuan	1955	SAIGON	male	id	Son in Law

(Notes: For the persons listed above, we will need legible copies of birth certificates, marriage certificates (if married), divorce decrees (if divorced), spouse death certificate (if widowed), identification cards (if available), and photos. If any of the above accompanying relatives do not live with you, please note their addresses in section I below.)

C. RELATIVES OUTSIDE VIETNAM

1. Closest relatives in the U.S. : N/A
2. Closest relatives in other Foreign Countries :

a. NAME	b. Relationship	c. Address
Nguyen Thanh Huong	daughter	
Nguyen Duc HAI	Son	
Nguyen Minh TAM	daughter	

D. COMPLETE FAMILY LISTING (Living/Dead)

1. Father : Nguyen Duc TOA (dead)
 2. Mother : Nguyen Thi Phiem (dead)
 3. Spouse : Nguyen Thi DINH
 4. Nguyen Cam Van (daughter)
 5. Truong X. Tuong Khanh (niece)
 6. Truong Ng. Quynh Vy (niece)
 7. Nguyen Thanh MAI (daughter)
 8. Phan Manh Tuan (son in law)
 9. Nguyen Thanh Huong
 10. Nguyen Duc HAI
 11. Nguyen Minh TAM (children)
- address: 407/6 Le Van Sy F: 22. & 3. TP. Ho Chi Minh.
- Barrclay app #6 Montreal P.Q. H3W-1C8 CANADA.

E. EMPLOYMENT by U.S. GOVERNMENT agencies or other US Organization of you or your Spouse : N/A

F. SERVICE with GVN or RVNAF by you or your Spouse

1. NAME of person serving : NGUYEN BUI KHOAI

2. Date From : September 15 1952 To April 30 1975

3. Last rank : Full Colonel (Special force + Ranger. Serial number : 49,300/468

4. Military unit : Special force + Ranger Commander I corps

5. Reason for leaving : Event in April 1975

6. NAME of supervisor : Lt general Nguyen Chanh Tho, Hoang Lam, Ngo Quang Truong

7. NAME of American advisors : 1965 Major NANCE, Major ALLEN, 1966

LTC FACY, 1967 LTC AChungel, 1968 LTC PARMLEY II, 1969 LTC STEIN

1970 LTC RON CHARLTON

8. US Training courses in Viet Nam : N/A

9. US Award or certificates : 1 Silver star, 1 Bronze star, 3 Commendation

G. TRAINING outside Viet Nam of you or your Spouse : N/A

H. RE-EDUCATION of you or your Spouse

1. Name of person in reeducation : NGUYEN BUI KHOAI

2. Total time in reeducation : 12 years 2 months 26 days From June 15 1975

to September 11 1987. (If released, we must have a copy of your release certificate)

I. ANY ADDITIONAL REMARKS.

Due to the difficulty of my situation, I am dealing with much difficulties in the daily life. And based on the authority of your organization and the humanitarian spirit, I am making this petition to request your kind and generous assistance to intervene with the Government of the Socialist Republic of Viet Nam so that I and my family will be permitted to leave Viet Nam to immigrate in the CANADA under your protection and arrangement through the Orderly Departure Program.

Hoping that I will enable to gain the entry into the CANADA in your earliest convenience and I will hear from you soon. All your assistances will be highly appreciated.

Signature

Date

Montréal 17. 8. 1988

Cố Minh - Thu thân mến !

Vào thu' xin cô tha lỗi cho cháu vì đã gọi cô bằng cô dẫu thật tình ca' cô lẫn cháu đều chưa được quen biết nhau, song để' gây tình thân mật xin cô tha thứ cho lỗi xủng hồ này.

Cháu tên là Nguyễn - Đức - Hải, cháu được hân hạnh biết địa chỉ' của cô là nhờ trung gian của chú Nguyễn Bảo

Chú Bảo qua một vài lần liên lạc với cháu bằng phone để' trả lời cho cháu những câu hỏi có liên quan về việc xuất cảnh của người tù cải tạo và cũng chính là tình trạng của ba cháu hiện tại, chú Bảo đã giới thiệu và đề nghị cháu liên lạc với cô để' được rõ thêm chi tiết.

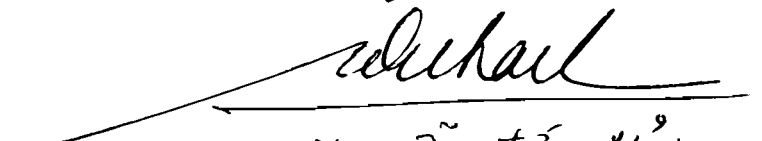
Chưa cô ! gần đây vào trung tuần tháng 7-1988, chắc chắn cô đã rõ sự việc là Hoa-kỳ và Việt nam hiện đã thoả thuận công khai trên báo chí và các phương tiện truyền thông cả ở Việt nam và ngoại quốc là đã cho phép số' người học tập cải tạo được thả ra về vào các đợt 9-1987 và tháng 2-1988 được phép xuất cảnh sang Hoa kỳ. Cháu được biết tin này qua lá thư ba cháu viết qua cho cháu và báo cho cháu biết là ngày 27. 7. 1988 có nhân viên của bộ nội vụ VN tới hỏi ý kiến ba cháu về việc có đồng ý xuất cảnh qua Hoa-kỳ chẳng ? Và ba cháu đã trả lời đồng ý nếu được sự chấp thuận của VN.

Thưa cô! Tưởng cũng nên nhắc lại là ba cháu được thả về vào đợt tháng 9-1987 sau 12 năm 3 tháng trong trại tù Cộng Sản. Nay niềm ao ước duy nhất của ông là được cùng gia đình xuất cảnh qua Hoa Kỳ. Một vấn đề hiện tại là ông muốn được biết có chắc chính phủ Hoa Kỳ có sẽ chấp thuận và có cơ hội nào để ông được biết là tên mình có trong Liste của chính phủ Hoa Kỳ. Vì lý do trên cháu viết thư này qua cô với hy vọng rằng cô với ảnh hưởng và khả năng của mình đối với chính phủ Hoa Kỳ vì cô hiện là chủ tịch Hội Từ nhân bị nạn chính trị Cộng sản, cô có thể bằng cách nào đó biết rõ từng trường hợp nào và tên của những người từ cải tạo nào sẽ được Hoa Kỳ lên liste.

Thưa cô! Xin cô tha lỗi cho sự yêu cầu của cháu có phần hơi quá đường đột và ngoài khả năng của cô, song cháu vẫn hy vọng là cô có thể cho cháu được rõ thêm chi tiết về vấn đề này nếu chẳng may cô không thể biết được là ba cháu hiện có tên trên liste hay không. Cháu gửi kèm với lá thư này qua cho cô cũng với 2 bản sao: một là giấy chứng nhận ra trại cải tạo của ba cháu, và một giấy khai lý lịch của ba cháu trong suốt cuộc đời quân ngũ của ông. Thưa cô! Ngoài việc xin đi Hoa Kỳ, ba cháu cũng được cháu làm giấy đề đoàn tụ tại Canada với cháu. Song ước vọng của ông là được xuất cảnh sang Mỹ vì nếu được có tên, ông và cả gia đình sẽ mau chóng rời khỏi VN nhanh hơn là việc bảo lãnh của cháu.

Thưa cô! Cháu vô cùng tin tưởng rằng chắc chắn trời sẽ không phụ lòng người, cháu hy vọng cô sẽ có thể thực hiện được lời yêu cầu của cháu. Xin cô nhận nơi cháu lòng biết ơn sâu xa đâu cho công việc có không thành, cháu cũng biết rằng cô đã với khả năng của chính mình mà tận lực. Cháu mong thư hồi âm của cô, đâu biết rằng cô rất bận rộn với công tác hội và công việc gia đình, cháu vẫn tin cô sẽ tìm chút thời giờ để trả lời thư. Một lần nữa cháu chân thành cảm ơn cô và nghĩa cử cao đẹp của hội. Cầu chúc cô luôn mạnh và thành đạt mục đích của chính mình và của hội.

Nay kính


Nguyễn - đức - Hải

P.S Địa chỉ của cháu

Nguyễn - đức - Hải

CANADA

Tết

FROM: NGUYEN DUC HAI

CANADA



TO: KHUC MINH THU

PO BOX 5435

ARLINGTON CITY

VA 22205

United-states of America.

SEP 09 1988

